



**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BẮC KẠN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **02** /2019/QĐ-UBND

Bắc Kạn, ngày **27** tháng **3** năm 2019

QUYẾT ĐỊNH

Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định về giá cước vận chuyển hàng hóa bằng phương tiện vận tải trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn ban hành kèm theo Quyết định số 07/2017/QĐ-UBND ngày 15 tháng 02 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Kạn

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC KẠN

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 06 năm 2015;
Căn cứ Luật Giá ngày 20 tháng 06 năm 2012;
Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 06 năm 2014;
Căn cứ Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giá;
Căn cứ Nghị định số 149/2016/NĐ-CP ngày 11 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 177/2013/NĐ-CP;
Căn cứ Thông tư số 25/2014/TT-BTC ngày 17 tháng 02 năm 2014 của Bộ Tài chính quy định phương pháp định giá chung đối với hàng hóa, dịch vụ;
Căn cứ Thông tư số 56/2014/TT-BTC ngày 28 tháng 4 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều Luật Giá;
Theo đề nghị của Giám đốc Sở Giao thông vận tải tại Tờ trình số 295/TTr-SGTVT ngày 06 tháng 3 năm 2019.*

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định về giá cước vận chuyển hàng hóa bằng phương tiện vận tải trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn ban hành kèm theo Quyết định số 07/2017/QĐ-UBND ngày 15 tháng 02 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh:

1. Khoản 2, khoản 3 Điều 5 được sửa đổi như sau:
“2. Đối với phương tiện xe máy: Chỉ áp dụng trên các loại đường không vận chuyển hàng hóa bằng xe ô tô và bằng ngựa thồ.
3. Đối với ngựa thồ, kéo máng:

a) Đối với ngựa thồ: Chỉ áp dụng trên những loại đường không vận chuyển hàng hóa bằng xe ô tô và xe máy.

b) Đối với kéo máng: Chỉ áp dụng 1 loại đường”.

2. Khoản 2 Điều 9 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“2. Đơn giá cước cơ bản vận chuyển hàng hóa bằng xe máy, ngựa thồ.

a) Đơn giá cước cơ bản vận chuyển hàng hóa bằng xe máy:

Đơn vị tính: 1000 đồng/T.Km

Phương tiện	Cự ly vận chuyển				
	01 km	02 km	03 km	04 km	05 km
Xe máy	234	130	93	76	67

(Giá cước trên đã bao gồm cả công bốc vác; khi tính cho cự ly ki lô mét lẻ thì tính bằng quãng đường thực tế nhân với giá cước cho 01 ki lô mét, nếu vượt quá 05 ki lô mét thì tính theo đơn giá cước cơ bản vận chuyển hàng hóa bằng ô tô vận chuyển trên đường loại 6 được quy định tại Quyết định số 07/2017/QĐ-UBND ngày 15/02/2017 của UBND tỉnh Bắc Kạn nhân với 3,5 lần).

b) Đơn giá cước cơ bản vận chuyển hàng hóa bằng ngựa thồ:

Đơn vị tính: 1.000 đồng/T.Km

Phương tiện	Cự ly vận chuyển				
	01 km	02 km	03 km	04 km	05 km
Ngựa thồ	308	616	924	1.232	1.540

(Giá cước trên đã bao gồm cả công bốc vác; khi tính cho cự ly ki lô mét lẻ hoặc vượt quá 05 ki lô mét thì tính bằng quãng đường thực tế nhân với giá cước cho 01 ki lô mét).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày **07** tháng 4 năm 2019.

Điều 3. Các ông (bà): Chánh Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội, Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở, ban, ngành; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố; Thủ trưởng các đơn vị, tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 (t/h);
- Bộ Giao thông vận tải (b/c);
- Cục Kiểm tra VBQPPL - Bộ Tư pháp;
- TT Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh (b/c);
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh (b/c);
- Lãnh đạo VP;
- Sở Tư pháp;
- Báo Bắc Kạn, Đài PTTH tỉnh;
- Trung tâm Công báo - Tin học tỉnh;
- Lưu: VT, NCPC. #

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN



Lý Thái Hải